



Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

3300101124

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3300101124 ngày 28 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quang Hội	Chủ tịch (từ ngày 10 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Quốc Thành	Chủ tịch (đến ngày 9 tháng 3 năm 2016)
Ông Đinh Nhật Tân	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Tạo	Thành viên (từ ngày 6 tháng 8 năm 2016)
Ông Takahashi Yukio	Thành viên (từ ngày 6 tháng 8 năm 2016)
Ông Nguyễn Bốn	Thành viên (đến ngày 5 tháng 8 năm 2016)
Ông Trần Thắng	Thành viên (đến ngày 5 tháng 8 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Thành	Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2016)
Ông Trần Thắng	Tổng Giám đốc (đến ngày 9 tháng 3 năm 2016)
Ông Trần Thắng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2016)
Ông Lê Bá Giang	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Bốn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 9 tháng 3 năm 2016)

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thông tin về Công ty

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Minh Nguyệt

Bà Đặng Thị Hoa

Bà Đào Thị Chinh

Bà Đặng Thị Hoa

Ông Hồ Văn Toại

Bà Phạm Thị Kim Anh

Trưởng ban kiểm soát
(từ ngày 6 tháng 8 năm 2016)
Trưởng ban kiểm soát
(đến ngày 5 tháng 8 năm 2016)
Thành viên
(từ ngày 6 tháng 8 năm 2016)
Thành viên
(từ ngày 6 tháng 8 năm 2016)
Thành viên
(đến ngày 5 tháng 8 năm 2016)
Thành viên
(đến ngày 5 tháng 8 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

Số 2, Nguyễn Công Trứ
Thành phố Huế
Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc

Tỉnh Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 7 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Lỗi từ công ty liên kết

Như đã trình bày ở Thuyết minh 5(b), Tập đoàn ghi nhận lỗi từ công ty liên kết 1,05 tỷ VND của các năm trước vào kết quả kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, do đó lỗ thuần sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng 1,05 tỷ VND. Do đó, đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 đang bị ghi nhận thừa 1,05 tỷ đồng và lỗ lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 đang bị ghi nhận thiếu 1,05 tỷ.

Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình thanh lý và xóa sổ và chi phí trả trước dài hạn xóa sổ

Như đã trình bày ở Thuyết minh 13, trong năm, Tập đoàn đã thanh lý và xóa sổ một số tài sản cố định hữu hình và xóa sổ một số chi phí trả trước dài hạn và ghi nhận giá trị còn lại là 6.814 triệu VND của các tài sản và chi phí trả trước này vào xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13) thay vì báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Do đó, xây dựng cơ bản dở dang, thuế phải trả Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã bị ghi nhận thừa lần lượt là 6.814 triệu VND và 1.363 triệu VND, lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bị ghi nhận thiếu là 5.451 triệu VND, chi phí khác và lỗ thuần sau thuế cho năm kết thúc cùng ngày bị ghi nhận thiếu lần lượt là 6.814 triệu VND và 5.451 triệu VND, chi phí thuế thu nhập bị ghi nhận thừa là 1.363 triệu VND đồng cho năm kết thúc cùng ngày.

Phân loại lại chi phí hoạt động kinh doanh khách sạn

Như đã trình bày ở Thuyết minh 25, kể từ quý 2 năm 2016, Tập đoàn đã ghi nhận chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh khách sạn với số tiền 5.163.168.578 VND vào chi tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp". Chi phí này cần được ghi nhận vào chi tiêu "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp" dựa trên bản chất chi phí đã phát sinh cũng như nhất quán với cách phân loại chi phí của năm trước và quý 1 năm 2016. Vấn đề này dẫn đến các chi tiêu "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp" và "Chi phí quản lý doanh nghiệp" cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương ứng lần lượt bị phân ánh thiếu và thừa với số tiền là 5.163.168.578 VND và dẫn đến số liệu về "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp", "Lợi nhuận gộp" và "Chi phí quản lý doanh nghiệp" cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 không có tính so sánh với các chi tiêu tương ứng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ngoại trừ vấn đề được trình bày trong đoạn cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý đến Thuyết minh 30 của báo cáo tài chính hợp nhất để cập việc Tập đoàn thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm nhằm điều chỉnh một số sai sót kế toán. Theo đó, một số thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được điều chỉnh lại.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, không bao gồm những điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 30, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 4 năm 2016 cho các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”.

Như một phần của công việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán những điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 30 trong báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng để điều chỉnh lại các thông tin so sánh. Chúng tôi không được chỉ định kiểm toán, soát xét hay thực hiện thủ tục nào đối với các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến, kết luận hay sự đảm bảo nào về các báo cáo tài chính đó. Theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh hồi tố này đã được áp dụng đúng đắn và phù hợp.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-499



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (Đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		205.929.224.993	55.349.738.965
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	142.723.367.648	34.419.866.979
Tiền	111		138.831.784.262	7.062.907.521
Các khoản tương đương tiền	112		3.891.583.386	27.356.959.458
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		800.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	800.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.448.739.604	19.056.172.399
Phải thu khách hàng	131	6	4.543.440.309	7.076.400.037
Trả trước cho người bán	132		1.130.259.068	756.030.540
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	46.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	11.258.418.935	11.940.851.860
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(1.483.378.708)	(717.110.038)
Hàng tồn kho	140	10	907.388.501	1.011.358.066
Tài sản ngắn hạn khác	150		49.729.240	862.341.521
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.113.698	862.341.521
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.615.542	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		165.063.570.197	190.774.118.863
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.448.817.680	29.758.567.127
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	5.448.817.680	29.758.567.127
Tài sản cố định	220		44.432.878.969	51.179.267.042
Tài sản cố định hữu hình	221	11	43.406.174.056	50.142.488.904
Nguyên giá	222		98.899.407.949	106.101.379.926
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.493.233.893)	(55.958.891.022)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.026.704.913	1.036.778.138
Nguyên giá	228		1.308.338.000	1.384.462.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(281.633.087)	(347.683.862)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (Đã điều chỉnh lại)
Tài sản dở dang dài hạn	240		13.168.457.222	2.902.060.708
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	13.168.457.222	2.902.060.708
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	85.686.475.777	88.201.055.622
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252		85.686.475.777	88.201.055.622
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		16.326.940.549	18.733.168.364
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	16.326.940.549	18.733.168.364
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		370.992.795.190	246.123.857.828

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND (Đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		148.143.471.622	15.617.425.618
Nợ ngắn hạn	310		146.264.298.622	15.617.425.618
Phải trả người bán	311	15	3.211.501.278	4.532.307.511
Người mua trả tiền trước	312		152.701.860	103.273.730
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	16	1.298.463.254	1.351.305.156
Phải trả người lao động	314		3.564.483.203	3.790.311.911
Doanh thu chưa thực hiện	318		-	36.900.435
Phải trả khác	319	17	134.775.279.414	5.904.803.383
Vay ngắn hạn	320	18(a)	3.261.869.613	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	(101.476.508)
Nợ dài hạn	330		1.879.173.000	-
Vay dài hạn	338	18(b)	1.879.173.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		222.849.323.568	230.506.432.210
Vốn chủ sở hữu	410	19	222.849.323.568	230.506.432.210
Vốn cổ phần	411	20	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		47.223.517.700	47.223.517.700
Quỹ đầu tư và phát triển	418		-	1.203.245.427
Lỗ lũy kế	421		(25.410.464.166)	(18.993.422.501)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(17.790.177.074)	(5.315.871.409)
- Lỗ năm nay	421b		(7.620.287.092)	(13.677.551.092)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.036.270.034	1.073.091.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		370.992.795.190	246.123.857.828

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Ngô Đức Chính
 Kế toán trưởng


 Người duyệt:

 Nguyễn Quốc Thành
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND (Đã điều chỉnh lại)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	22	77.942.829.245	79.395.208.797
Giá vốn hàng bán	11		60.296.130.981	73.974.794.292
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		17.646.698.264	5.420.414.505
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.782.569.644	1.313.083.118
Chi phí tài chính	22	24	4.816.360.214	2.328.026.932
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		582.725.916	-
Phần lãi trong công ty liên kết	24	5(b)	(5.035.772.740)	(8.735.710.362)
Chi phí bán hàng	25		1.093.718.767	204.087.900
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	29.073.097.440	24.915.538.931
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25+ 26)}	30		(9.518.135.773)	(11.978.445.778)
Thu nhập khác	31		6.083.722.526	1.721.351.563
Chi phí khác	32		3.711.103.400	3.415.020.900
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.372.619.126	(1.693.669.337)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(7.145.516.647)	(13.672.115.115)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	511.591.995	-
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(7.657.108.642)	(13.672.115.115)
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(7.620.287.092)	(13.677.551.092)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(36.821.550)	(5.435.977)

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Ngô Đức Chính
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



 Nguyễn Quốc Thành
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ kế toán trước thuế	01		(7.145.516.647)	(13.672.115.115)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		5.620.574.464	5.784.917.573
Các khoản dự phòng	03		766.268.670	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		95.707.819	4.580.883
Lỗ/(lãi) do thanh lý tài sản cố định	05		693.027.638	(96.151.998)
Lỗ do xóa sổ tài sản cố định			8.461.539	-
Lỗ từ thanh lý vốn đầu vào đơn vị khác	05		-	2.320.000.000
Lãi tiền gửi	05		(2.686.861.825)	(1.282.083.291)
Lãi trong công ty liên kết	05	6(b)	(5.035.772.740)	(8.735.710.362)
Chi phí lãi vay	06		582.725.916	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	1.901.087.880
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(7.101.385.166)	(13.775.474.430)
Biến động các khoản phải thu	09		(2.315.212.763)	(1.701.509.869)
Biến động hàng tồn kho	10		103.969.565	11.952.645
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(4.468.760.365)	(5.278.685.356)
Biến động chi phí trả trước	12		2.956.119.921	8.407.085.468
			(10.825.268.808)	(12.336.631.542)
Tiền lãi vay đã trả	14		(582.725.916)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(647.726.753)	(521.693.479)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17		101.476.508	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(365.125.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.954.244.969)	(13.223.450.021)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(10.501.263.630)	(1.509.644.371)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		943.527.265	96.151.998
Tiền chi cho các khoản cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(51.000.000.000)	-
Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23		(800.000.000)	
Tiền thu hồi cho vay, công cụ nợ	24		5.000.000.000	2.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	9.280.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		2.686.861.825	1.282.083.291
Tiền thu từ cổ tức	27		10.459.725.863	8.741.656.391
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(43.211.148.677)	19.890.247.309
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.750.000.000	-
Tiền thu để chi hộ từ Công ty mẹ	33		158.423.559.521	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(320.831.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		160.852.728.521	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		105.687.334.875	6.666.797.288
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		34.419.866.979	27.757.431.671
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(95.707.819)	(4.361.980)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	140.011.494.035	34.419.866.979

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang (“Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 2 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Mua bán thức uống có cồn và không cồn);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình như mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc như kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu như kinh doanh dịch vụ Karaoke;
- Điều hành tour du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 2 công ty con và 6 công ty liên kết (1/1/2016: 2 công ty con và 6 công ty liên kết).

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh	Địa chỉ	Phần trăm vốn		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016
Các công ty con						
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Kinh doanh du lịch, đại lý vé máy bay	11 Lê Lợi, thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Du Lịch Mỹ An	Kinh doanh du lịch, khách sạn	Thôn Mỹ An, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.	91,38%	91,38%	91,38%	91,38%
Các công ty liên kết						
Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.	40%	40%	40%	40%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế (a)	Kinh doanh thể thao, khu vui chơi giải trí	Công viên Ngự Bình, xã Thủy An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc (b)	Sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt	Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	31,33%	31,33%	31,33%	31,33%

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh	Địa chỉ	Phần trăm vốn sở hữu tại ngày 31/12/2016	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2016	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2016
Các công ty liên doanh					
Công ty TNHH Sài Gòn – Morin Huế	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch	30 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	50%	50%	50%
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (c)	Kinh doanh nhà hàng, đồ lưu niệm, dịch vụ du lịch, khách sạn	5190 Shindo Sagamiharashi Kanagawa, Nhật Bản.	50%	50%	50%
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch	5 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	49%	49%	49%

- (a) Ngày 31/8/2009, Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế đã có quyết định giải thể do các bên tham gia góp vốn ngừng đầu tư vào dự án, toàn bộ khoản đầu tư bị tổn thất không có giá trị thu hồi và đã xóa sổ toàn bộ
- (b) Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang thực hiện các thủ tục giải thể.
- (c) Công ty liên doanh với một công ty của Nhật Bản để mở nhà hàng tại Nhật Bản, tuy nhiên từ khi hoạt động, liên doanh liên tiếp thua lỗ, theo biên bản làm việc giữa hai Công ty ngày 3 tháng 6 năm 2010, trong đó đối tác tại Nhật Bản sẽ mua lại toàn bộ tài sản và chuyển trả cho Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang số tiền tương ứng là 122.000 USD. Tuy nhiên Ban Giám đốc đánh giá rằng đối tác liên doanh đã mất khả năng thanh toán nên khoản đầu tư này có thể không thu hồi được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 343 nhân viên (1/1/2016: 365 nhân viên).

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản ước tính chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-------------------------------|------------|
| • nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| • máy móc và thiết bị | 5 – 10 năm |
| • phương tiện vận tải | 5 – 15 năm |
| • thiết bị và dụng cụ quản lý | 5 – 7 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được xác định bằng 10% trên tổng giá trị thực tế doanh nghiệp tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(ii) Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

(iii) Phí cải tạo tài sản

Phí cải tạo tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ đầu tư phát triển

Theo điều lệ của Công ty, Công ty trích lợi nhuận thuần sau thuế để mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai và được phản ánh như quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Dịch vụ cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan

Doanh thu cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan được ghi nhận khi khách hàng sử dụng các dịch vụ này.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí lãi vay thì khi đó chi phí lãi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	591.047.976	1.570.767.884
Tiền gửi ngân hàng	138.240.736.286	5.490.939.637
Tiền đang chuyển	-	1.200.000
Các khoản tương đương tiền	3.891.583.386	27.356.959.458
	<hr/>	<hr/>
	142.723.367.648	34.419.866.979
Thấu chi ngân hàng (Thuyết minh 18(a))	(2.711.873.613)	-
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	140.011.494.035	34.419.866.979

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn một đến ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,5%-5%/năm (2015: 4% - 4,5%).

Các khoản tương đương tiền ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 2.800 triệu VND (1/1/2016: không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản thấu chi của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phân ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mười hai tháng và hưởng lãi suất 6%/năm.

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

- Đầu tư vào các công ty liên kết
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc

Đầu tư vào các công ty liên doanh

- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế
- Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành

Đầu tư vào đơn vị khác

- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du Lịch Thuận An (*)

(*) Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng toàn bộ.

	31/12/2016		1/1/2016			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Nguyên giá VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Nguyên giá VND
	40%	40%	3.724.630.527	40%	40%	6.239.210.372
	20%	20%	-	20%	20%	-
	31,33%	31,33%	940.000.000	31,33%	31,33%	940.000.000
	50%	50%	50.720.625.000	50%	50%	50.720.625.000
	50%	50%	-	50%	50%	-
	49%	49%	30.301.220.250	49%	49%	30.301.220.250
			<u>85.686.475.777</u>			<u>88.201.055.622</u>

	12%	12%	3.000.000.000	12%	12%	3.000.000.000
--	-----	-----	---------------	-----	-----	---------------

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Biến động đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	88.201.055.622	88.201.055.622
Phần lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết năm nay	6.086.968.088	8.735.710.362
Phần lỗ trong các công ty liên doanh, liên kết năm trước (*)	(1.051.195.348)	-
Cổ tức nhận được	(7.550.352.585)	8.735.710.362)
	<hr/>	<hr/>
	85.686.475.777	88.201.055.622

- (*) Tập đoàn ghi nhận phần lỗ từ công ty liên kết 1,05 tỷ VND của các năm trước vào kết quả kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	32.825.529.085	23.513.452.767	9.312.076.318	(3.658.461.242)
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	80.673.228.999	10.005.246.730	70.667.982.269	6.676.568.654
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	93.082.449.048	19.796.677.048	73.285.772.000	12.347.658.337

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	35.838.864.491	22.868.326.931	12.970.537.560	(2.627.988.371)
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	86.920.402.728	7.213.506.700	79.706.896.028	9.384.643.075
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	91.590.497.369	18.304.725.369	73.285.772.000	11.515.013.314

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thuận An	717.110.038	717.110.038
Tổng cục Du lịch Thái Lan	-	1.197.855.737
Công ty Cổ phần Tulico Hương Giang	720.000.000	720.000.000
Các khách hàng khác	3.106.330.271	4.441.434.262
	4.543.440.309	7.076.400.037

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco – cổ đông	3.400.000	-
	3.400.000	-

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

7. Khoản cho vay phải thu

Khoản cho vay phải thu phản ánh khoản cho vay ngắn hạn đối với Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco, một cổ đông, không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm từ 7,5% đến 9% và sẽ đáo hạn trong tháng 2 và tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Cổ tức phải thu	6.050.352.585	8.959.725.863
Phải thu từ dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	1.895.128.210	-
Tạm ứng cho người lao động	1.527.782.571	1.198.350.225
Phải thu từ chi hộ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	267.875.229
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	281.178.432	121.498.093
Phải thu từ chi hộ công ty Du lịch Cổ đô	229.000.000	-
Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	220.639.373	220.639.373
Phải thu từ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	44.736.013
Dự án Trung tâm Văn Hóa Huyện Trần	-	750.000.000
Phải thu khác	755.440.426	378.027.064
	<hr/> 11.258.418.935	<hr/> 11.940.851.860

(b) Dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Phải thu từ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	-	24.309.749.447
Phải thu từ công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt (**)	4.948.817.680	4.948.817.680
Ký quỹ	500.000.000	500.000.000
	<hr/> 5.448.817.680	<hr/> 29.758.567.127

- (*) Khoản phải thu này liên quan đến các hạng mục công trình thuộc khu Văn hóa Huyện Trần được Công ty đầu tư theo chủ trương xã hội hóa của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, theo Công văn số 4732/UBND-TH ngày 25/08/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đây là công trình đặc thù về văn hóa tâm linh và nhạy cảm về an ninh tôn giáo nên UBND tỉnh đã chủ trương không tiếp tục xã hội hóa các công trình này, yêu cầu Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang thanh quyết toán các hạng mục công trình đang đầu tư để chuyển nhượng cho Tỉnh theo nguyên tắc giá thị trường. Công ty đã quyết toán theo Công văn số 6824/UBND-DN ngày 04/11/2016. Giá trị quyết toán công trình với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế là 26.535.137.515 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (**) Đây là các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản ứng trước cho nhà thầu thi công hạng mục Thiên Đường Trần Nhân Tông (nay là Thiên Viện Hương Vân) thuộc dự án Trung Tâm Văn hóa Huyện Trần. Năm 2011, Công ty đã bàn giao sang cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Huyện Trần) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này. Do việc bàn giao công trình chưa hoàn thành nên Công ty tiếp tục theo dõi là khoản phải thu từ Công ty Văn hóa Đất Việt.

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2016		1/1/2016	
	Ngày quá hạn	VND	Ngày quá hạn	VND
Nợ quá hạn từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thuận An Công ty Cổ phần Tulico Hương Giang	Hơn 3 năm	717.110.038	Hơn 3 năm	717.110.038
Các khách hàng khác	Hơn 3 năm	720.000.000	-	-
	Hơn 1 năm	46.268.670	-	-
		<u>1.483.378.708</u>		<u>717.110.038</u>
Dự phòng		(1.483.378.708)		(717.110.038)
Giá trị có thể thu hồi		<u>-</u>		<u>-</u>

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu kỳ	717.110.038	717.110.038
Tăng dự phòng trong kỳ	766.268.670	-
Số dư cuối kỳ	<u>1.483.378.708</u>	<u>717.110.038</u>

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nguyên vật liệu	453.557.843	466.822.015
Công cụ và dụng cụ	6.727.272	23.516.182
Hàng hóa	447.103.386	521.019.869
	<u>907.388.501</u>	<u>1.011.358.066</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	75.682.731.862	15.055.039.625	14.629.450.761	734.157.678	106.101.379.926
Tăng trong kỳ	976.547.982	453.153.607	5.516.836.362	102.863.636	7.049.401.587
Thanh lý (*)	(6.527.431.800)	(3.183.702.268)	-	-	(9.711.134.068)
Xóa sổ (*)	(4.119.088.855)	(331.292.550)	(56.978.421)	(32.879.670)	(4.540.239.496)
Số dư cuối kỳ	66.012.759.189	11.993.198.414	20.089.308.702	804.141.644	98.899.407.949
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	35.777.204.901	14.405.805.405	5.046.919.808	728.960.908	55.958.891.022
Khấu hao trong kỳ	3.275.688.524	343.230.284	1.962.513.062	29.069.369	5.610.501.239
Thanh lý (*)	(1.964.006.114)	(1.975.246.162)	-	-	(3.939.252.276)
Xóa sổ (*)	(1.752.685.632)	(322.831.011)	(31.309.073)	(30.080.376)	(2.136.906.092)
Phân loại lại	3.155.316.319	(2.735.413.131)	(41.440.752)	(8.462.436)	-
Số dư cuối kỳ	38.491.517.998	9.715.545.385	6.566.683.045	719.487.465	55.493.233.893
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	39.905.526.961	649.234.220	9.582.530.953	5.196.770	50.142.488.904
Số dư cuối kỳ	27.521.241.191	2.277.653.029	13.522.625.657	84.654.179	43.406.174.056

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 11.180 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 11.077 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 5.471 triệu VND (1/1/2016: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

(*) Chi tiết tài sản cố định thanh lý và xóa sổ trong năm như sau:

	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND	Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang VND	Tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh VND
Thanh lý	9.711.134.068	(3.939.252.276)	5.771.881.792	4.135.326.889	1.636.554.903
Xóa sổ	4.540.239.496	(2.136.906.092)	2.403.333.404	2.394.871.865	8.461.539
	14.251.373.564	(6.076.158.368)	8.175.215.196	6.530.198.754	1.645.016.442

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	999.000.000	385.462.000	1.384.462.000
Xóa sổ	-	(76.124.000)	(76.124.000)
Số dư cuối năm	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	347.683.862	347.683.862
Khấu hao trong kỳ	-	10.073.225	10.073.225
Xóa sổ	-	(76.124.000)	(76.124.000)
Số dư cuối kỳ	-	281.633.087	281.633.087
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	999.000.000	37.778.138	1.036.778.138
Số dư cuối kỳ	999.000.000	27.704.913	1.026.704.913

(*) Quyền sử dụng đất không có thời hạn và không tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu kỳ	2.902.060.708	28.890.441.877
Tăng trong kỳ	3.451.862.043	1.322.784.349
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý và được chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang (*)	4.135.326.889	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã xóa sổ và được chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang (*)	2.394.871.865	-
Chi phí trả trước dài hạn đã xóa sổ và được chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang (*)	284.335.717	-
Chuyển từ phải thu dài hạn khác	-	(26.977.404.127)
Xóa sổ	-	(333.761.391)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	13.168.457.222	2.902.060.708

- (*) Trong năm, Tập đoàn đã thanh lý và xóa sổ một số tài sản cố định hữu hình và chi phí trả trước dài hạn và ghi nhận giá trị còn lại 6.814 triệu VND của các tài sản này vào xây dựng cơ bản dở dang thay vì báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Công trình 91 Hàn Thuyên	2.162.933.290	1.960.819.654
Dự án mở rộng khu du lịch Mỹ An	10.106.671.043	144.887.682
Văn phòng 1A Tự Đức	898.852.889	796.353.372
	<hr/>	<hr/>
	13.168.457.222	2.902.060.708

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số dư đầu kỳ VND Phân loại lại	Tăng trong kỳ VND	Phân bổ trong kỳ VND	Xóa số VND	Số dư cuối kỳ VND
Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa	6.398.467.343	-	(3.047.010.584)	-	3.351.456.759
Công cụ và dụng cụ	5.361.498.355	5.390.415.747	(3.297.962.545)	(940.101.852)	6.513.849.705
Phí cài tạo tài sản	2.695.301.080	2.429.307.601	(2.172.308.378)	-	2.952.300.303
Khác	4.277.901.586	1.131.693.891	(1.900.261.695)	-	3.509.333.782
	18.733.168.364	8.951.417.239	(10.417.543.202)	(940.101.852)	16.326.940.549

Bao gồm trong chi phí trả trước dài hạn đã xóa số có các chi phí trả trước với giá trị còn lại 284.335.717 VND đã được chuyển qua xây dựng cơ bản dở dang trong năm.

15. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Asia DMC	376.456.298	-
Công ty Cổ phần Lữ Hành Hương Giang	-	576.456.298
Các nhà cung cấp khác	2.835.044.980	3.955.851.213
	3.211.501.278	4.532.307.511
Số có khả năng thanh toán		

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Du Lịch Lãng Cổ	9.180.000	-

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016	Incurred	Paid	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	685.246.018	10.512.368.754	(10.443.840.337)	753.774.435
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.908.399	365.931.146	(363.518.571)	9.320.974
Thuế thu nhập doanh nghiệp	647.726.753	511.591.995	(647.726.753)	511.591.995
Thuế thu nhập cá nhân	7.136.586	292.394.275	(275.755.011)	23.775.850
Các loại thuế khác	4.287.400	3.617.295.467	(3.621.582.867)	-
	1.351.305.156	15.299.581.637	(15.352.423.539)	1.298.463.254

17. Phải trả khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải trả cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	131.888.422.006	-
Lãi tiền ký quỹ phải trả các cổ đông	885.855.550	885.855.550
Thu hồi vốn góp tại công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ giải quyết	518.052.851	518.052.851
Phải trả cho Cục Sở hữu Trí tuệ - Bản quyền thương hiệu	105.000.000	105.000.000
Phải trả bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	65.205.150	71.763.517
Tổng Công ty Hàng không - Đại lý vé máy bay	21.288.836	1.028.197.605
Tiền lương chi trả hộ cho đơn vị sáp nhập trước năm 1994	-	230.872.316
Phải trả cho Bộ Ngoại giao do thanh lý hợp đồng dịch vụ	-	1.085.850.000
Nhận hỗ trợ kinh phí đền thờ Huyền Trân	-	1.744.893.361
Các khoản phải trả khác	1.291.455.021	234.318.183
	134.775.279.414	5.904.803.383

(*) Trong tháng 3 năm 2016, Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco đã mua lại 62,9% số vốn cổ phần của Công ty từ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 624/QĐ-UBND, ngày 30/03/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, Công ty nhận hộ khoản tiền mua cổ phần này từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco và sẽ chi trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

Kết thúc năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 - tăng trong năm và số dư cuối năm

	VND
Thấu chi ngân hàng	2.711.873.613
Vay dài hạn đến hạn trả	549.996.000
	<hr/>
	3.261.869.613
	<hr/>
Số có khả năng trả nợ	3.261.869.613
	<hr/>

(*) Thấu chi ngân hàng được bảo đảm bằng các khoản tương đương tiền có giá trị ghi sổ 2.800 triệu VND (1/1/2016: không) (Thuyết minh 4). Khoản vay chịu lãi suất 6,5% - 7,5% một năm.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	2.429.169.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(549.996.000)	-
	<hr/>	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.879.173.000	-
	<hr/>	

Vay ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (“Ngân hàng”) nhằm tài trợ cho việc mua xe. Khoản vay chịu lãi suất 7,5%/năm và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 5.471 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: không) (Thuyết minh 11). Lãi suất được thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được hoàn trả trong 53 kỳ bằng nhau, với số tiền 45,8 triệu VND bắt đầu từ ngày 6 tháng 6 năm 2016.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	200.000.000.000	47.223.517.700	1.203.245.427	(5.315.871.409)	1.067.655.607	244.178.547.325
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(13.677.551.092)	5.435.977	(13.672.115.115)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	200.000.000.000	47.223.517.700	1.203.245.427	(18.993.422.501)	1.073.091.584	230.506.432.210
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(7.620.287.092)	(36.821.550)	(7.657.108.642)
Hoàn nhập quỹ	-	-	(1.203.245.427)	1.203.245.427	-	-
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	200.000.000.000	47.223.517.700	-	(25.410.464.166)	1.036.270.034	222.849.323.568

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa chi phí phát hành và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.185.291.890	3.975.159.638
Trong vòng hai đến năm năm	18.475.110.429	13.588.375.405
Sau năm năm	57.016.320.939	44.543.203.837
	80.676.723.258	62.106.738.880

Cam kết thuê chủ yếu liên quan đến hợp đồng thuê đất.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	10.498	238.415.262	10.832	232.797.772
EUR	3.419	80.686.391	14.091	343.913.447

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	522.093.534.842	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	22.706.465.158	-
	<u>544.800.000.000</u>	<u>-</u>

22. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Thu nhập lãi tiền gửi và lãi vay	2.686.861.825	1.282.083.291
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	95.707.819	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do thanh toán	-	30.999.827
	<u>2.782.569.644</u>	<u>1.313.083.118</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Chi phí tài chính**

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuê đất cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	4.173.075.368	-
Chi phí lãi vay	582.725.916	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	60.558.930	3.446.049
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	4.580.883
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.320.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.816.360.214	2.328.026.932

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	9.507.870.688	8.327.538.201
Chi phí nguyên liệu	4.180.837.135	2.232.198.480
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	3.047.010.584	7.099.953.554
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.400.009.808	148.998.492
Thuế, phí và lệ phí	1.741.155.958	2.728.094.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.660.725.934	2.105.880.940
Chi phí khác	3.535.487.333	2.272.874.364
	<hr/>	<hr/>
	29.073.097.440	24.915.538.931

Kể từ quý 2 năm 2016, Tập đoàn đã thực hiện ghi nhận chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh khách sạn với số tiền 5.163.168.578 VND vào chi tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp". Chi phí này cần được ghi nhận vào chi tiêu "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp" dựa trên bản chất chi phí đã phát sinh cũng như nhất quán với cách phân loại chi phí của năm trước và quý 1 năm 2016.

26. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	25.717.049.194	33.020.914.109
Chi phí nhân công	28.459.139.161	20.743.254.360
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.620.574.464	5.784.917.573
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	3.047.010.584	7.099.953.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.985.928.387	23.175.624.905
Chi phí khác	9.633.245.398	9.269.756.622

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016	2015
	VND	VND
Lỗ kế toán trước thuế	(7.145.516.647)	(13.672.115.115)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.429.103.329)	(3.007.865.325)
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	225.203.402
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.166.925.429	2.571.462.026
Thu nhập không bị tính thuế	(1.007.154.548)	(1.921.856.280)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(467.888.607)	(118.977.840)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.248.813.050	2.252.034.017
	511.591.995	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	32.286.657.606	6.457.331.521	23.382.035.395	4.676.407.078

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2018	Chưa quyết toán	2.339.443.042
2019	Chưa quyết toán	7.442.979.226
2020	Chưa quyết toán	11.260.170.085
2021	Chưa quyết toán	11.244.065.253
		32.286.657.606

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

28. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Cần trừ các khoản phải thu và phải trả	26.535.137.515	-

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Cổ đông		
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco		
Bán hàng hóa và dịch vụ	606.096.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	819.414.545	-
Các khoản vay	51.000.000.000	-
Chi trả hộ	158.423.559.521	-
Nhận lãi	1.632.572.292	-
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành		
Nhận cổ tức được phân chia năm trước	5.335.710.362	-
Cổ tức	6.050.352.585	5.333.696.675
Công ty TNHH Sài Gòn -Morin Huế		
Nhận cổ tức được phân chia năm trước	3.400.000.000	-
Cổ tức	1.500.000.000	3.400.000.000
Chi trả hộ	985.842.179	-
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và phụ cấp	984.519.000	1.068.010.000

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với qui định về trình bày BCTC của kỳ hiện hành. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

		1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)	1/1/2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	(1)	11.940.851.860	14.222.014.860
Chi phí trả trước ngắn hạn	(2)	862.341.521	243.041.430
Phải thu dài hạn khác	(1)	29.758.567.127	500.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	(1)	2.902.060.708	29.879.464.835
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	(3)	88.201.055.622	91.957.055.622
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3)	(3.000.000.000)	(6.756.000.000)
Chi phí trả trước dài hạn	(2)	18.733.168.364	19.352.468.455

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

		2015 VND (đã điều chỉnh lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu từ hoạt động tài chính	(4)	1.313.083.118	10.048.793.480
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(4)	8.735.710.362	-

- (1) Công ty đã điều chỉnh sai sót kế toán để phân loại lại chi phí trả trước dài hạn sang chi phí trả trước ngắn hạn.
- (2) Công ty đã điều chỉnh sai sót kế toán để phân loại lại xây dựng cơ bản dở dang và phải thu ngắn hạn khác sang phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 13).
- (3) Công ty đã điều chỉnh sai sót kế toán để phân loại lại đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh vào dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.
- (4) Công ty đã điều chỉnh sai sót kế toán để phân loại lại doanh thu hoạt động tài chính vào lợi nhuận từ công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Thành
Tổng Giám đốc